

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2020-2021, tình hình thực hiện 3 công khai đầu năm học 2021-2022 và kế hoạch nhiệm vụ công tác 3 công khai năm học 2021-2022

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1717/SGDDĐT-KHTC ngày 01/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thực hiện báo cáo công tác công khai năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ công tác công khai năm học 2021-2022 theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT;

Trường TH, THCS, THPT Ngô Thời Nhiệm báo cáo kết quả thực hiện năm 2020 – 2021 như sau:

Phần thứ nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2020-2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình học sinh

Tốc độ phát triển

Bậc học	2019 -2020		2020 – 2021		Tốc độ phát triển	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Tiểu học	12	393	13	462	+1	69
THCS	18	599	20	708	+2	109
THPT	47	1526	50	1805	+3	279
Tổng	77	2518	83	2975	+6	457
Nội trú	38 phòng	934	45 phòng	1067	+7	130

2. Tình hình chất lượng đội ngũ:

Tổng số giáo viên: 123 giáo viên đứng lớp; số giáo viên thỉnh giảng từ cơ sở ở TP HCM - cùng hệ thống Trường Ngô Thời Nhiệm và các trường công lập trên địa bàn trường trú đóng 21 người. Tỷ lệ giáo viên giảng dạy cơ hữu đạt 85.40%

Tất cả các giáo viên đều đạt Chuẩn đào tạo theo quy định, số giáo viên trên chuẩn đạt 15.44% (19 giáo viên)

Tổng số cán bộ, nhân viên: 50 người (trong đó Ban Giám hiệu: 3, giáo viên làm công tác quản lý học sinh: 13, nhân viên: 34)

3. Tình hình đầu tư duy tu, sửa chữa, xây mới của nhà trường năm học 2020-2021

Duy trì việc đầu tư, tu bổ, nâng cấp các công trình chức năng trong nhà trường nhằm đảm bảo tốt nhất điều kiện học tập, vui chơi và hoạt động TĐTT.

Trong năm học 2020 – 2021 đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng:

+ Hội trường với sức chứa 400 người có màn chiếu, sân khấu phục vụ các hoạt động ;

+ Khánh thành khu nội trú 2 với 18 phòng – dành riêng cho nữ sinh.

+ Cải tạo và mở rộng vườn rau sạch cung cấp cho bếp ăn nội trú.

Nguồn vốn đầu tư từ nguồn tái đầu tư mở rộng hàng năm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 03 CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG, TRUNG TÂM NĂM HỌC 2020-2021

1. Kết quả

1.1. Việc thực hiện Biểu mẫu 9, 10, 11, 12 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT) - đính kèm các phụ lục đã công khai

1.2. Hình thức công khai

+ Công khai trên website của hệ thống trường Ngô Thời Nhiệm (mục công khai thông tin)



+ Công khai trên bảng tin niêm yết tại văn phòng nhà trường, phòng Hội đồng.

+ Công khai trong các phiên họp Hội đồng sư phạm, các phiên họp định kỳ giữa BGH và Ban Đại diện CMHS, giữa GVCN và PHHS các lớp (43 lần trong năm học)

+ Thông tin đến học sinh (người học) những nội dung cần thiết thông qua 2 phiên đối thoại định kỳ hàng năm giữa BGH và đại diện các lớp.

1.3. Thời gian công khai

+ Thực hiện theo hướng dẫn Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT

+ Thực hiện theo từng giai đoạn của năm học.

2. Đánh giá, nhận xét chung tình hình thực hiện 03 công khai của Trường, Trung tâm

Nhà trường thực hiện nghiêm túc theo quy định ba công khai của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2021-2022 VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 3 CÔNG KHAI CỦA TRƯỜNG, TRUNG TÂM NĂM HỌC 2021-2022

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2021-2022

1. Khái quát tình hình nhà trường (trung tâm) đầu năm

1.1. Nêu khái quát số lượng GV, lớp, HS đầu năm học 2021-2022.

Quy mô phát triển số lớp, số học sinh trong năm học mới: dự kiến năm học mới số học sinh 3218 em / 92 lớp (tính đến 01/9/2021)

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2021-2022: 183 người, trong đó BGH: 3, giáo viên cơ hữu giảng dạy trực tiếp 134 người, giáo viên làm công tác quản lý học sinh: 13, nhân viên: 34

1.2. Tình hình chất lượng đội ngũ:

- Số Giáo viên giảng dạy đạt chuẩn theo quy định.

- Số CBQL đã qua đào tạo: 3/3

2. Tình hình công tác công khai đầu năm học 2021-2022

Đã tổ chức công khai kết quả năm học thông qua website của trường ngay từ cuối năm học 2020 – 2021, kết hợp với công tác tuyển sinh đến PHHS đánh giá và nắm bắt được sự phát triển của nhà trường.

Công khai điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ, chương trình giảng dạy, học phí và các khoản phí phục vụ cho học sinh (đưa rước, nội trú, bán trú...) trong phiên họp PHHS cuối năm học 2020-2021.

Công khai sách giáo khoa sử dụng cho các khối lớp theo chương trình mới (thực hiện theo chỉ đạo của UBND Tỉnh); các chương trình giáo dục áp dụng trong năm học 2021 – 2022 và các ngoại ngữ 2 sẽ đưa vào giảng dạy theo Chương trình GDPT 2018.

II. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2021-2022

1. Mục tiêu thực hiện công tác 3 công khai của Trường

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy định 3 công khai của Bộ GDĐT nhằm tạo điều kiện để đưa thông tin đến PHHS nói riêng và xã hội nói chung về hoạt động của nhà trường.

Duy trì các hình thức công bố số liệu qua các kênh website hệ thống bảng thông báo, các phiên họp PHHS, các buổi sinh hoạt Hội đồng sư phạm – đảm bảo thông tin được đến với người học, PHHS và người lao động trong đơn vị.

Xem việc công khai là một trong những tiêu chí để xây dựng niềm tin, đảm bảo cam kết chất lượng với người học và nâng cao hiệu quả giáo dục của đơn vị.

2. Nội dung 3 công khai theo yêu cầu Biểu mẫu 9, 10, 11, 12 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT)

Thực hiện theo đúng hướng dẫn.

3. Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện.

Phân công các bộ phận thực hiện việc tập hợp, phân tích số liệu theo từng mảng, từng giai đoạn.



Cải tiến các hình thức công khai, vận dụng hiệu quả các hình thức áp dụng Công nghệ thông tin trong việc xử lý số liệu, công bố số liệu để tăng tính chính xác và hiệu quả.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Tỉnh Bình Dương, HĐQT (để báo cáo);
- Lưu VT.



THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 1	Lớp 6	Lớp 10	Các lớp khác
I	Điều kiện tuyển sinh: Hình thức xét tuyển. Căn cứ quy chế tuyển sinh đầu cấp của Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn Tuyển sinh đầu cấp của Sở GD&ĐT Bình Dương.	Số lượng dự kiến: 140 em	Số lượng dự kiến: 140 em	Số lượng dự kiến: 700 em	Tùy tình hình thực tế và khả năng đáp ứng về năng lực và hồ sơ
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	+ Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành áp dụng cho các khối lớp từ 2,3,4,5,6,7,8.9 và THPT. + Chương trình GDPT 2018 đối với các lớp 1. + Có học tiếng Anh tăng cường với GVNN			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường và PHHS ký cam kết phối hợp khi làm hồ sơ nhập học, cam kết về học sinh nội trú (nếu có đăng ký). Học sinh phải tuân thủ nội quy và các quy định của trường kèm theo khi làm hồ sơ nhập học. Gia đình phải thực hiện cam kết khi nhập học.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đảm bảo học sinh được dạy học đầy đủ các môn trong chương trình GDPT và tham gia các hoạt động giáo dục. Nhà trường trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất để học sinh học tập và hoạt động TDTT. Học sinh bán trú, nội trú được đảm bảo chế độ ăn, ở theo thỏa thuận			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định của chương trình.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh cuối cấp đạt Tốt nghiệp theo quy định và có đủ điều kiện tiếp tục chuyển cấp.			

SỞ GD&ĐT BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học
cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021**

TRUNG HỌC CƠ SỞ

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	708	167	187	189	165
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	87.29	93.41	91.98	82.01	81.82
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	11.02	6.59	7.49	13.76	16.36
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1.69	0	0.53	4.23	1.82
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	708	167	187	189	165
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.69	21.56	14.44	15.34	7.27
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49.29	49.70	55.61	50.26	40.61
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	34.04	26.95	29.41	29.10	52.12
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.98	1.80	0.53	5.29	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.69	21.56	14.44	15.34	7.27
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	49.29	49.70	55.61	50.26	40.61
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.98	1.80	0.53	5.29	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0		0.02	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					165
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					165
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					40.61
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					52.73

Biểu mẫu - Công khai cơ sở GD – Thông tư 36/2017/BGDĐT-TT

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ		167/7 3	187/5 6	188/6 8	165/5 7
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số		12	2		3

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1805	713	575	517	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	85.76	84.43	79.83	94.20	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	13.07	15.01	17.22	5.80	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1.16	0.56	2.96	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1805	713	575	517	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	8.14	5.19	9.22	8.14	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	63.93	51.61	64.52	63.93	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	27.31	42.50	25.22	27.31	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.61	0.70	1.04	0.61	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
A	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	8.14	5.19	9.22	8.14	
B	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	63.93	51.61	64.52	63.93	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.61	0.70	1.04	0.61	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				517	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				517	

Biểu mẫu - Công khai cơ sở GD – Thông tư 36/2017/BGDĐT-TT

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				93.4	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ		417/2 96	329/2 46	302/2 15	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số		13	12	8	

Bình Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2021



Biểu mẫu - Công khai cơ sở GD – Thông tư 36/2017/BGDĐT-TT
SỞ GD&ĐT BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
 và trường trung học phổ thông, năm học 2020 -2021**

1.a Phân bổ đất sử dụng

STT	Chức năng	Diện tích	Tỷ lệ
1	Xây dựng công trình	7.107,43	25.94%
2	Đất trồng cây xanh	7.690,57	28.06%
3	Đất giao thông, sân bãi	12.606	46%
Tổng		27.404	100%

1.b Khối kiến trúc

STT	Khối / phòng	Diện tích	Số lượng	Ghi chú / Công năng
1. Khối Phòng học và Phòng chức năng				
1.a	Phòng học	48m ²	85	Dạy - học (36 em/p)
1.b	Phòng Thí nghiệm Lý	96m ²	1	Thực hành thí nghiệm
1.c	Phòng Thí nghiệm Hóa – Sinh	96m ²	1	Thực hành thí nghiệm
1.d	Phòng vi tính	96m ²	4	Thực hành vi tính
1.e	Phòng Âm nhạc	96m ²	1	
1.f	Phòng Mỹ thuật	96m ²	1	
1.g	Phòng GD Kỹ năng sống	96m ²	1	
2. Khối sân chơi, sân bóng, nhà thi đấu hồ bơi				
2.a	Sân chơi	1200 m ²	2	Sinh hoạt dưới cờ
2.b	Nhà thi đấu đa năng	350 m ²	1	Bóng rổ, bóng bàn, bóng chuyền, cầu lông
2.c	Sân bóng	2000 m ²	1	2 sân bóng (6 người)
2.d	Hồ bơi	325 m ²	1	Chuẩn hồ bơi người lớn
2.e	Mảng xanh	1100 m ²	1	Sân cỏ nhân tạo
3. Khối nội trú				
3.a	Khu 1 (38 phòng)	5500m ²	1	DTXD. Bao gồm khu phòng ở và khu phụ trợ
3.b	Khu 2 (10 phòng)	1100m ²	1	Đang xây dựng GĐ1, hoàn chỉnh cuối HK1
4. Khối hành chính				
4.a	Khu văn phòng	120 m ²	1	Khu hành chính, y tế
4.b	Khu hiệu bộ	45 m ²	1	Phòng làm việc, phòng họp
5. Khối phục vụ				
5.a	Nhà ăn 1	1100 m ²	1	Phục vụ Tiểu học &K12
5.b	Nhà ăn 2	150 m ²	1	Phục vụ K10, 11
5.c	Khu vệ sinh	48m ²	12	Bố trí cuối cầu thang mỗi tầng lầu từng khối

1.c Trang thiết bị

STT	Loại thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
<i>Phòng học và Phòng chức năng</i>				
1	Máy lạnh	Bộ	190	Phòng/2 bộ
2	Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	90	Phòng học và Vi tính
3	Mạng Wifi	Bộ	3	Phủ sóng cho 3 khu vực học

Biểu mẫu - Công khai cơ sở GD – Thông tư 36/2017/BGDĐT-TT

				tập
4	Máy vi tính	Bộ	144	36 máy/ Phòng VT
5	Bộ thiết bị dạy học Lý, Hóa Sinh	Bộ	36	12 bộ/ phòng
6	Nhạc cụ (guitar, organ)	Cái	18	Phòng nhạc
7	Dàn âm thanh phục vụ các hoạt động	Bộ	2	
8	Thiết bị phòng SMART EDU	Bộ	36	
<i>Phòng hành chính</i>				
9	Máy vi tính	Bộ	18	
10	Máy in	Bộ	18	
11	Máy photocopy	Bộ	2	
12	Mạng Wifi nội bộ	Bộ	4	
<i>Thiết bị mạng giám sát</i>				
1	Bộ camera	Bộ	48	Giám sát các khu hành chính, nội trú, hành lang lớp và bếp
2	Thiết bị quét thẻ	Bộ	14	Các hành lang lớp
<i>Khu Nội trú</i>				
1	Thiết bị camera	Bộ	8	Giám sát hành lang
2	Máy lạnh	Bộ	76	2 máy/phòng

	Nội dung	Có	Không
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
2	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
3	Kết nối internet	X	
4	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
5	Tường rào xây	X	

Bình Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2021



SỞ GD&ĐT BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020 - 2021**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Ths	ĐH	CD	TC	I	II	III	XS	K	TB	Kém
1	Cán bộ quản lý	3		2	1						3			
2	Văn	20		3	17						18	2		
3	Toán	23		2	21						22			
4	Anh	16		2	14						13	3		
5	Lý	10		2	8						10			
6	Hóa	8		2	6						6			
7	Sinh	6		3	3						3			
8	Xã hội	12		1	11						11			
9	Tin học	4			4						4			
10	Văn – Thể - Mỹ	11		1	10						11			
11	Tiêu học	13			13						12	1		
12	Giám thị	13			13									
13	Nhân viên văn phòng	19			19									
14	Bảo vệ	11			1		10							
15	Phục vụ	4					4							
	Tổng	173		19	140		14				113	6		

Bình Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC, TRUNG HỌC
CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
NGÔ THỜI NHIỆM
Trần Anh Dũng

SỞ GD&ĐT BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 1	Lớp 6	Lớp 10	Các lớp khác
I	Điều kiện tuyển sinh: Hình thức xét tuyển. Căn cứ quy chế tuyển sinh đầu cấp của Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn Tuyển sinh đầu cấp của Sở GD&ĐT Bình Dương.	Số lượng dự kiến: 140 em/ 4 lớp	Số lượng dự kiến: 140 em/ 4 lớp	Số lượng dự kiến: 700 em/ 20 lớp	Tùy tình hình thực tế và khả năng đáp ứng về năng lực và hồ sơ
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	+ Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành áp dụng cho các khối lớp từ 2,3,4,5.6,7.8.9 và THPT. + Chương trình GDPT 2018 đối với các lớp 1. + Có học tiếng Anh tăng cường với GVNN			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường và PHHS ký cam kết phối hợp khi làm hồ sơ nhập học, cam kết về học sinh nội trú (nếu có đăng ký). Học sinh phải tuân thủ nội quy và các quy định của trường kèm theo khi làm hồ sơ nhập học. Gia đình phải thực hiện cam kết khi nhập học.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đảm bảo học sinh được dạy học đầy đủ các môn trong chương trình GDPT và tham gia các hoạt động giáo dục. Nhà trường trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất để học sinh học tập và hoạt động TDTT. Học sinh bán trú, nội trú được đảm bảo chế độ ăn, ở theo thỏa thuận			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định của chương trình.			

Biểu mẫu - Công khai cơ sở GD – Thông tư 36/2017/BGDĐT-TT

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh cuối cấp đạt Tốt nghiệp theo quy định và có đủ điều kiện tiếp tục chuyển cấp.
----	--	--

Bình Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2021

